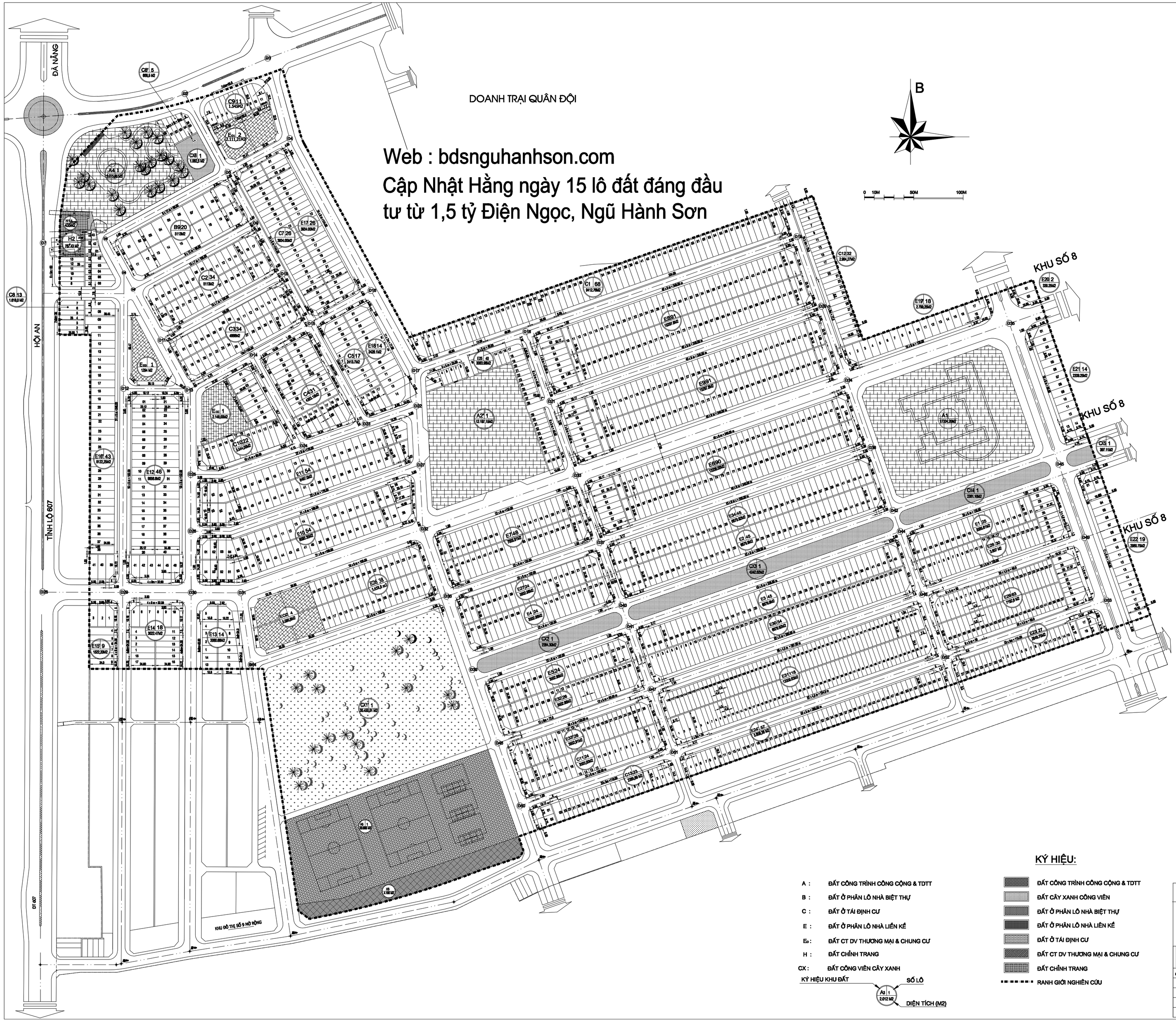

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

TT	TÍNH CHẤT SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ(%)
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	59.802,21	10,95%
2	ĐẤT CT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI - CHUNG CƯ	8.649,01	1,58%
3	ĐẤT Ở	246.819,84	45,20%
3-1	-ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	46.230,66	8,47%
3-2	-ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ LIÊN KỀ	195.476,18	35,80%
3-3	-ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ BIỆT THỰ	5.113,00	0,94%
4	ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN	40.817,77	7,48%
5	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	184.549,54	33,80%
6	ĐẤT CHỈNH TRANG	5.412,43	0,99%
7	TỔNG DIỆN TÍCH	546.050,80	100,00%

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	KÝ HIỆU	TÍNH CHẤT SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	MDXD (%)	SỐ LÔ	TẦNG CAO TR. BÌNH	HỆ SỐ SDD	TỶ LỆ (%)
1	A	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	59.802,21		4	3-5	0.70	10,95%
	A1	-	17.334,20		1			
	A2'	CHỢ ĐIỆN NGỌC	12.197,15		1			
	A4	KHU TƯỢNG ĐÀI	9.275,86		1			
	A5	KHU THỂ DỤC THỂ THAO	20.995,00		1			
2	E_{DV}	ĐẤT CT DV THƯƠNG MẠI-CHUNG CƯ	8.649,01		8	3-5	0,70	1.58%
	E_{DV1}	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	2.111,21		2			
	E_{DV2}	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	3.095,80		4			
	E_{DV3}	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	1.294,00		1			
	E_{DC}	ĐẤT Ở CHUNG CƯ	2.148,00		1			
3		ĐẤT Ở	246.819,84		1.724			45,20%
3.1	C	+ ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	46.230,66	70-80	340	2-3	0.70	8,47%
	C1	-	9.412,32	70-80	68			
	C2	-	3.113,00	"	34			
	C3	-	4.868,00	"	34			
	C4	-	4.369,18	"	31			
	C5	-	2.413,70	"	17			
	C7	-	3.934,00	"	26			
	C8	-	1.616,00	80-100	13			
	C8'	-	668,50	80-100	5			
	C9	-	1.545,00	-	11			
	C10	-	3.544,00	70-80	22			
	C11	-	3.503,00	"	24			
	C12	-	2.984,27	"	32			
	C13	-	2.265,69	"	23			
3.2	E	+ ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ LIÊN KỀ	195.476,18	70-80	1.364	3-5	0.70	35,80%
	E1	-	3.585,61	70-80	25			
	E2	-	6.679,90	"	45			
	E3	-	6.679,90	"	45			
	E4	-	3.502,96	"	24			
	E5	-	3.502,96	"	24			
	E6	-	13.336,00	"	90			
	E7	-	7.005,91	"	48			
	E8	-	15.297,80	"	91			
	E9	-	15.297,80	"	91			
	E10	-	8.595,35	70-80	54			
	E11	-	8.497,00	"	54			
	E12	-	8.656,80	"	46			
	E13	-	2.060,68	"	14			
	E14	-	3.022,47	"	18			
	E15'	-	1.522,20	"	9			
	E16'	-	8.122,25	"	43			
	E17	-	3.934,00	"	26			
	E18	-	2.428,10	"	14			
	E19'	-	2.799,25	"	18			
	E20	-	330,25	70-80	2			
	E21	-	2.209,25	"	14			
	E22	-	2.980,75	"	19			
	E23	-	2.848,75	"	27			
	E24'	-	5.809,36	"	57			
	E25	-	3.083,98	90-100	40			
	E26	-	5.658,80	70-80	38			
	E27	-	3.502,96	"	24			
	E28	-	3.607,00	"	30			
	E29	-	7.192,60	"	63			
	E30	-	6.679,92	70-80	54			
	E31	-	13.359,83	"	118			
	E32	-	3.502,96	"	26			
	E33'	-	3.502,91	"	28			
	E34	-	6.679,92	"	45			
3.3	B	+ ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ BIỆT THỰ	5.113,00	50-60	20	2-3	0.70	0.94%
	B9		5.113,00	50-60	20			
4	CX	ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN	40.817,77		6			7.48%
	CX1	CÂY XANH CÔNG VIÊN	30.450,01		1			
	CX2	CÂY XANH	2.284,24		1			
	CX3	-	4.222,81		1			
	CX4	-	2.381,10		1			
	CX5	-	397,11		1			
	CX6	-	1.082,50		1			
5		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	184.549,54					33,80%
	5-1	ĐẤT GIAO THÔNG	179.087,48					
	5-2	ĐẤT MƯƠNG THOÁT NƯỚC BẨN	5.462,06					
6	H	ĐẤT CHỈNH TRANG	5.412,43					0,99%
	H1	ĐẤT BƯU ĐIỆN HIỆN HỮU	435,00	50-60	1	5	0.65	
	H2	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	787,43	80-90				
	H3	ĐẤT Ở CHỈNH TRANG	4.190,00	80-90				
7		TỔNG DIỆN TÍCH (M2)	546.050,80					100%

KÝ HIỆU:

A : ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG & TDTT

B : ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ BIỆT THỰ

C : ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ

E : ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ LIÊN KỀ

E_{DV} : ĐẤT CT DV THƯƠNG MẠI & CHUNG CƯ

H : ĐẤT CHỈNH TRANG

CX : ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH

KÝ HIỆU KHU ĐẤT — SỐ LÔ

A5 | 1 — 2.012 M2

DIỆN TÍCH (M2)

- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG & TDTT
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN
- ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ BIỆT THỰ
- ĐẤT Ở PHÂN LÔ NHÀ LIÊN KỀ
- ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ
- ĐẤT CT DV THƯƠNG MẠI & CHUNG CƯ
- ĐẤT CHỈNH TRANG
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	BAN QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MỚI ĐIỆN NAM-ĐIỆN NGỌC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC QUẢNG NAM

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN THIẾT KẾ
THỊNH ĐẠT
ĐỊA CHỈ : SỐ 89 - PHAN BỘI CHÂU - TAM KỲ - QUẢNG NAM

KHU ĐÔ THỊ SỐ 9 - ĐÔ THỊ MỚI ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC
HUYỆN ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

GIÁM ĐỐC	KTS.HÀ-Đ-SƠN	
CN-ĐA	KTS.HÀ-Đ-SƠN	
THIẾT-KẾ	DƯƠNG TẤN HÒA	
HOẠ-VIÊN	PHẠM THỊ THUỲ AN	
QL-KT	NGUYỄN-CHÍ-BÌNH	

QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500 KHU ĐÔ THỊ SỐ 9
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT & CHIA LÔ

TỈ-LỆ	1/500	QHCT
NGÀY	THÁNG.8/2014	QHCT-NO.05